TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Ý YÊN** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 9 - 2022
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Tảo, bà Trương Thị Dung.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn THnh Nam - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 23/9/2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1968;

Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt ông Q, bà H (ông Q, bà H xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, ông Phạm Văn Q trình bày: Ông và bà Bùi Thị H về chung sống với nhau từ năm 1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 19/7/2013 ông và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng từ khoảng những năm 2000 giữa ông và bà H có những mâu thuẫn, khúc mắc nguyên nhân là do tính chất công việc của ông thường xuyên phải làm việc qua đêm khiến việc bà H có sự nghi ngờ, không tin tưởng, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, hay bất đồng nên cuộc sống vợ chồng căng thẳng. Tới nay bản thân ông tự nhận thấy không còn tình cảm, không còn hạnh phúc khi sống chung cùng bà H. Từ khoảng tháng 07 năm 2016 ông đã ra ngoài sinh sống nhưng thỉnh thoảng vẫn qua lại, nhưng từ khoảng năm 2018 ông đã chấm dứt quan hệ tình cảm với bà H, ông và bà H sống ly thân nhau từ đó đến nay. Nay ông xác định tình cảm giữa ông và bà H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết cho ông được ly hôn với bà Bùi Thị H.

Về con chung: Ông và bà H có 02 con chung là Phạm Văn V, sinh ngày 02/11/1991 và Phạm Thị H, sinh ngày 10/05/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã khôn lớn, trưởng thành và tự lập được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai đề ngày 10/8/2022, bản tự khai bổ sung ngày 14/9/2022 và tại phiên hòa giải bà Bùi Thị H trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn bà đồng ý với quan điểm của ông Q. Về tình cảm bà cũng xác định trong quá trình chung sống bà và ông Q có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà phát hiện ông Q có ngoài tình với một vài người phụ nữ khác và đã có con riêng với 01 người phụ nữ tên Thu, từ đó dẫn đến việc hai bên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhưng ông Q luôn từ chối việc mình ngoại tình. Bà và ông Q mới chỉ sống ly thân nhau khoảng 6-7 tháng nay. Bà và ông Q mặc dù không tìm được tiếng nói chung nhưng bà vẫn còn tình cảm với ông Q, bà cam chịu và vì danh dự gia đình, bà sẽ bỏ qua hết nếu như ông Q từ bỏ ngoại tình bên ngoài để về với gia đình, bà không muốn gia đình bố mẹ bỏ nhau để ảnh hưởng đến con, cháu. Bà muốn vợ chồng đoàn tụ nên không đồng ý ly hôn với ông Phạm Văn Q.

Về con chung: Bà và ông Q có 02 con chung là Phạm Văn V, sinh ngày 02/11/1991 và Phạm Thị H, sinh ngày 10/05/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã khôn lớn, trưởng thành và tự lập được nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông, bà nhưng tại buổi làm việc ông, bà không thống nhất được với nhau về nội dung vụ án nên Toà án đã ban Hnh Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Ông Q và bà H có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của ông Q, bà H đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Q, bà H đều có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến Hnh xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Hôn nhân giữa Ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị H là hợp pháp. Qua đánh giá các chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án thể hiện cuộc sống vợ chồng ông Q và bà H có mâu thuẫn. Hai bên không có cách nào để Hn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà H. Bà H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu do ông Q có ngoại tình với một vài người phụ nữ khác và đã có con riêng nhưng ông Q luôn từ chối việc ngoại tình. Mặc dù bà và ông Q không tìm được tiếng nói chung nhưng bà xác định vẫn còn tình cảm với ông Q, bà cam chịu, bỏ qua hết để mong muốn có gia đình đầy đủ bố mẹ để không ảnh hưởng đến danh dự con, cháu nên bà không đồng ý ly hôn với ông Q. Toà án đã hoà giải cho ông bà nhưng hai bên vẫn không tìm được tiếng nói chung nên Tòa án không thể gắn kết hạnh phúc cho ông, bà được. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Q và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn của ông Q, xử cho ông, bà ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông Q, bà H có 02 con chung là Phạm Văn V, sinh ngày 02/11/1991 và Phạm Thị H, sinh ngày 10/05/1993. Hiện nay cả hai con chung đều đã khôn lớn, trưởng tHnh và tự lập được nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Không ai có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị H.

2. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Ông Phạm Văn Q phải nộp là 300.000 đồng, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003676 ngày 26/07/2022 của Chi cục Thi Hành án dân sự huyện Ý Yên, ông Q đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án có quyền thoả thuận thi Hnh án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án. Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh+Huyện;
- Chi cục Thi Hnh án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Văn Anh